**Đặc tả các Usecase**

**1. Đăng nhập**

Bảng 2.1 Đặc tả Usecase đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ1- Đăng nhập |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với những vai trò riêng biệt để thực hiện chức năng. |
| Trigger: | Người dùng đăng nhập vào ứng dụng |
| Pre-condition: | Người dùng cần đăng ký tài khoản |
| Post-condition: | Người dùng đăng nhập ứng dụng thành công |
| Main Flow: | 1 - Nhấn vào nút đăng nhập tài khoản  2 - Hệ thống hiển thị trang đăng nhập  3 - Điền thông tin đăng nhập gồm: Tên đăng nhập, mật khẩu  4 - Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công (E1)  5 - Hiển thị trang chủ |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1. Hệ thống xác thực tài khoản hoặc mật khẩu hoặc cả 2 đều sai.  e1.1. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công  e1.2. Quay về bước 3 trong Main Flow và thông báo |

**2. Đăng xuất**

Bảng 2.2 Đặc tả Usecase đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ2 - Đăng xuất |
| Primary actor: | Người dùng. |
| Description: | Người dùng thực hiện đăng xuất khỏi hệ thống. |
| Trigger: | Người dùng muốn đăng xuất khỏi hệ thống. |
| Pre-condition: | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Post-condition: | Người dùng đã đăng xuất thành công. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng vào trang Setting và chọn logout.  2 - Hệ thống xác nhận người dùng đăng xuất  3 - Hệ thống hiển thị trang chủ. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**3. Đăng ký**

Bảng 2.3 Đặc tả Usecase đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ3 - Đăng ký |
| Primary actor: | Người dùng. |
| Description: | Người dùng muốn tạo tài khoản sử dụng ứng dụng. |
| Trigger: | Người dùng muốn đăng ký hệ thống. |
| Pre-condition: |  |
| Post-condition: | Người dùng đã đăng ký thành công. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn nút “Đăng ký” trên trang chủ.  2 – Người dùng nhập thông tin đăng ký và nhấn nút “Đăng ký” (E1)  3 – Hệ thống hiển thị thông tin đăng ký thành công. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1 – Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký có tồn tại hay chưa  E1.1. Nếu thông tin có tộn tại, hệ thống hiển thị thông báo thông tin trùng lập.  E1.2. Trở lại bước 2 trong Main Flow. |

**4. Thay đổi thông tin tài khoản**

Bảng 2.4 Đặc tả Usecase thay đổi thông tin tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ4 - Cập nhật tài khoản |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng sẽ chỉnh sửa thông tin của mình tại ứng dụng. |
| Trigger: | Người dùng chỉnh sửa thông tin. |
| Pre-condition: | Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | Người dùng sẽ chỉnh sửa thông tin của mình theo yêu cầu |
| Main Flow: | 1 - Người dùng nhấn vào trang Profile và nhấn vào nút chỉnh sửa thông tin  2 - Điền thông tin muốn chỉnh sửa: Username, Password, Gmail, Số điện thoại  3 - Ấn nút “Cập nhật”  4 - Thông báo cập nhật thành công |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**5**. **Quên mật khẩu**

Bảng 2.5 Đặc tả Usecase quên mật khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ5 – Quên mật khẩu |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng quên mật khẩu muốn nhận mật khẩu mới. Nhận mật khẩu thông qua phương thức xác thực bằng OTP thông qua Gmail. |
| Trigger: | Lấy lại mật khẩu |
| Pre-condition: | Đăng kí tài khoản |
| Post-condition: | Mật khẩu của người dùng đã thay đổi |
| Main Flow: | 1 - Nhất nút “Forgot Password”  2 - Nhập Email (E1)  3 - Nhập OTP code  4 - Kiểm tra OTP (E2)  5 - Nhập mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới  6 - Thông báo cho người dùng |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1. Nhập sai email, không xác định được người dùng.  E2. Xác thực OTP thất bại  e2. Quay về bước 2 Main Flow |
|  |  |

**6. Thay đổi mật khẩu**

Bảng 2.6Đặc tả Usecase thay đổi mật khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ6 – Thay đổi mật khẩu |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn thay đổi mật khẩu của mình. |
| Trigger: | Thay đổi mật khẩu người dùng |
| Pre-condition: | Người dùng đăng nhập thành công |
| Post-condition: | Mật khẩu của người dùng đã thay đổi |
| Main Flow: | 1 – Người dùng vào trang cá nhân  2 – Chọn nút “Thay đổi mật khẩu”  3 – Người dùng nhập mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu (E1)  4 – Hệ thống kiểm tra và thông báo thay đổi mật khẩu thành công. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1. Nếu nhập lại mật khẩu không khớp với mật khẩu người dùng muốn thay đổi.  e1.1. Quay về bước 3 Main Flow |

**7. Tìm kiếm thông tin**

Bảng 2.7Đặc tả Usecase tìm kiếm thông tin

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ7- Tìm kiếm thông tin |
| Primary actor: | Người dùng. |
| Description: | Người dùng tìm kiếm theo từ khóa được nhập từ bàn phím. |
| Trigger: | Người dùng muốn tìm kiếm bài viết, người dùng khác,…. |
| Pre-condition: |  |
| Post-condition: | Hiển thị danh sách bài viết liên quan đến từ khóa tìm kiếm |
| Main Flow: | 1 - Người dùng nhấn vào ô tìm kiếm  2 - Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm  3 – Hệ thống xác thực thông tin và hiển thị danh sách tìm kiếm ở trang tìm kiếm |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**8. Đăng bài Feed**

Bảng 2.8Đặc tả Usecase đăng bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ8 - Đăng bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn đăng một bài Feed. |
| Trigger: | Người dùng đăng bài |
| Pre-condition: | Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | Bài viết được gửi đến hệ thống để chờ xét duyệt. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng ấn nút tạo Feed trên trang chủ.  2 - Người dùng điền thông tin bài Feed muốn tạo (Status, ảnh, …).  3 - Người dùng ấn nút Đăng bài.  4 - Hệ thống kiểm tra bài đăng hợp lệ (E1)  5 - Bài đăng hiển thị trên tường người dùng. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1 – Nếu bài đăng không hợp lệ,  E1.1. Hệ thống thông báo về người dùng “Bài đăng của bạn không hợp lệ”  E1.2. Trở lại bước 2 trong Main Flow |

**9. Xóa bài Feed**

Bảng 2.9 Đặc tả Usecase xóa bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ10 - Xóa bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng sẽ xem chi tiết những bài viết đã được đăng trên tường. Người đó sẽ lựa chọn bài mình muốn và xóa bài đó. |
| Trigger: | Người dùng muốn xóa bài |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | Bài viết bị xóa |
| Main Flow: | 1 - Người dùng vào tường của mình  2 - Người dùng chọn bài viết muốn xóa  3 - Chọn nút “Xóa bài” kế bên bài viết  4 – Hệ thống xóa bài và thông báo “Xóa bài viết thành công” |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**10. Tim bài viết**

Bảng 2.10 Đặc tả Usecase tim bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ11 - Tim bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng tim một bài viết nào đó để biểu thị ý thích bài viết đó. |
| Trigger: | Người dùng muốn tim bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết chưa được người dùng tim |
| Post-condition: | Bài viết được thêm một tim |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần tim  2 - Người dùng nhấn nút hình “Tim” để tim bài viết  3 - Hệ thống kiểm tra và hiển thị đổi màu “Tim” |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**11. Xóa tim bài viết**

Bảng 2.11 Đặc tả Usecase xóa tim bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ12 - Xóa tim bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng tim một bài viết nào đó để biểu thị ý thích bài viết đó. Khi hết thích người dùng có thể xóa Tim bài viết |
| Trigger: | Người dùng muốn xóa tim bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết đã được người dùng tim trước đó |
| Post-condition: | Bài viết được mất một tim |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần xóa tim  2 - Người dùng nhấn nút hình “Tim” để xóa tim bài viết  3 - Hệ thống kiểm tra và hiển thị đổi màu “Tim” thành trong suốt |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**12. Chia sẻ bài viết**

Bảng 2.12 Đặc tả Usecase chia sẻ bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ13 – Chia sẻ bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn chia sẻ bài viết về tường nhà |
| Trigger: | Người dùng muốn chia sẻ bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết chưa được người dùng chia sẻ trước đó |
| Post-condition: | Bài viết được chia sẻ về tường nhà người dùng |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần chia sẻ  2 - Người dùng nhấn nút hình “chia sẻ” để bài viết  3 - Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo “Bài viết đã được chia sẻ” |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**13. Xóa chia sẻ bài viết**

Bảng 2.13 Đặc tả Usecase chia sẻ bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ14 – Chia sẻ bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng có thể chia sẻ bài viết về tường nhà. Khi người dùng không muốn nữa, người dùng xóa bài viết đó ra khỏi tường nhà. |
| Trigger: | Người dùng muốn dừng chia sẻ bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết đã được người dùng chia sẻ trước đó |
| Post-condition: | Bài viết không được chia sẻ về tường nhà người dùng nữa. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần dừng chia sẻ trên tường nhà.  2 - Người dùng nhấn nút hình “Xóa chia sẻ” để bài viết  3 - Hệ thống kiểm tra, hiển thị thông báo “Bài viết đã được dừng chia sẻ” và bài viết sẽ biến mất khỏi tường nhà. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**14. Bình luận bài Feed**

Bảng 2.14 Đặc tả Usecase bình luận bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ15 – Bình luận bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn bình luận một bài viết nào đó để thể hiện ý kiến của mình về bài viết đó. |
| Trigger: | Người dùng muốn bình luận bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | Bài viết được thêm một bình luận |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần thể hiện ý kiến  2 - Người dùng nhấn nút hình “Comment” để bình luận bài viết  3 - Hệ thống hiển thị khung nhập bình luận của người dùng.  4 – Người dùng nhập nội dung mong muốn.  5 – Hệ thống kiểm tra người dùng bình luận (E1)  6 – Bình luận được đăng trong khung bình luận của bài viết |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1 – Nếu bình luận vi phạm tiêu chuẩn cộng đồng.  E1.1. Hệ thống hiển thị thông báo “Bình luận không hợp lệ”  E1.2. Người dùng có thể trở lại bước 2 của Main flow. |

**15. Chỉnh sửa bình luận bài Feed**

Bảng 2.15 Đặc tả Usecase chỉnh sửa bình luận bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ16 –Chỉnh sửa bình luận bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng có thể bình luận một bài viết nào đó để thể hiện ý kiến của mình về bài viết đó. Khi người dùng muốn có thể chỉnh sửa bài viết đó |
| Trigger: | Người dùng muốn chỉnh sửa bình luận bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết đã được người dùng bình luận một hoặc nhiều lần. |
| Post-condition: | Bài viết được chỉnh sửa một bình luận của người dùng. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần chỉnh sửa bình luận.  2 - Người dùng bình luận cần chỉnh sửa.  3 – Người dùng nhấn nút “Chỉnh sửa”  4 – Hệ thống hiển thị khung nhập bình luận của người dùng với các nội dung bình luận trước.  5 – Người dùng chỉnh sửa nội dung theo ý muốn và nhấn nút “Cập nhật”.  6 – Hệ thống kiểm tra người dùng bình luận (E1)  7 – Bình luận được chỉnh sửa mới trong khung bình luận của bài viết. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1 – Nếu bình luận vi phạm tiêu chuẩn cộng đồng.  E1.1. Hệ thống hiển thị thông báo “Bình luận không hợp lệ”  E1.2. Người dùng có thể trở lại bước 2 của Main flow. |

**16. Xóa bình luận**

Bảng 2.16 Đặc tả Usecase xóa bình luận bài Feed

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ17 – Xóa bình luận bài Feed |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng có thể bình luận một bài viết nào đó để thể hiện ý kiến của mình về bài viết đó. Khi người dùng không muốn có bình luận, có thể xóa nó. |
| Trigger: | Người dùng muốn xóa bình luận bài viết |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Bài viết đã được người dùng bình luận một hoặc nhiều lần. |
| Post-condition: | Bài viết được mất đi một bình luận. |
| Main Flow: | 1 - Người dùng chọn bài viết cần chỉnh sửa bình luận.  2 - Người dùng bình luận cần chỉnh sửa.  3 – Người dùng nhấn nút “Xóa”  4 – Hệ thống kiểm tra và xóa bình luận khỏi bài viết.  6 – Bình luận được xóa khỏi khung bình luận của bài viết. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**17. Xem danh sách các Following và Follower của người dùng.**

Bảng 2.17 Đặc tả Usecase xem danh sách người theo dõi bạn và người bạn theo dõi

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ18 – Xem danh sách Following và Follower |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn xem danh sách người theo dõi mình và người mình theo dõi. |
| Trigger: | Người dùng muốn xem danh sách người dùng khác. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | Hệ thống trả về danh sách người theo dõi người dùng hoặc danh sách người dùng theo dõi |
| Main Flow: | 1 - Người vào trang cá nhân  2 - Người dùng nhấn nút “Following” để xem danh sách người dùng bạn đang theo dõi hoặc nhấn nút “Follower” kế bên để xem danh sách người dùng theo dõi bạn.  3 - Hệ thống kiểm tra và hiển thị danh sách tương ứng. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**18. Theo dõi và hủy theo dõi người khác**

Bảng 2.18 Đặc tả Usecase huy theo dõi người khác

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ19 – Hủy theo dõi người khác |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng hủy theo dõi một ai đó mình đang theo dõi. |
| Trigger: | Người dùng hủy theo dõi người khác. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống.  - Người dùng có ít nhất một người đang theo dõi |
| Post-condition: | Người dùng hủy theo dõi thành công |
| Main Flow: | 1 - Người vào trang cá nhân mình (A1)  2 - Người dùng nhấn nút “Following” để xem danh sách người dùng bạn đang theo dõi.  3 - Hệ thống kiểm tra và hiển thị danh sách tương ứng.  4 – Người dùng chọn người cần hủy theo dõi  5 – Người dùng chọn nút “Hủy theo dõi”  6 – Hệ thống kiểm tra và trả về kết quả “Hủy theo dõi thành công” |
| Alternate Flow: | (A1): 1 – Người dùng vào trang cá nhân người dùng đang đang theo dõi  2 – Người dùng chọn nút “Hủy theo dõi” gần Avatar.  3 – Hệ thống kiểm tra và trả về kết quả “Hủy theo dõi thành công” |
| Exception Flow: |  |

**19. Gửi tin nhắn**

Bảng 2.19 Đặc tả Usecase gửi tin nhắn người dùng khác

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ20 – Gửi tin nhắn |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn gửi tin nhắn cho người khác. |
| Trigger: | Người dùng muốn tương tác với người khác. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | - Người dùng gửi tin nhắn cho người khác thành công |
| Main Flow: | 1 - Người vào trang cá nhân người cần gửi  2 - Người dùng nhấn nút “Message” để gửi tin nhắn  3 - Hệ thống hiển thị hộp thoại tin nhắn giữa 2 người.  4 – Người dùng nhập tin cần gửi và nhấn nút “Send”  5 – Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo “Gửi thành công”  6 – Tin nhắn sẽ hiển thị trong hộp thoại nhắn. |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**20. Xóa tin nhắn**

Bảng 2.20 Đặc tả Usecase xóa tin nhắn

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ22 – Xóa tin nhắn |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn xóa tin nhắn |
| Trigger: | Người dùng muốn xóa tin nhắn. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | - Người dùng xóa tin nhắn cho người khác ở phía mình thành công |
| Main Flow: | 1 - Người dùng vào hộp thoại gửi tin nhắn  3 – Người dùng chọn tin nhắn cần xóa ở phía mình  4 – Người dùng nhấn nút “Xóa”  5 – Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo “Xóa thành công”  6 – Tin nhắn ở vị trí vừa gửi sẽ bị xóa mất đi ở phía người dùng |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: |  |

**21. Gọi điện thoại**

Bảng 2.21 Đặc tả Usecase gọi điện thoại

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ22 – Gọi điện thoại |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn gọi cho người khác |
| Trigger: | Người dùng muốn tương tác lẫn nhau bằng giọng nói. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | - Người dùng gọi cho người khác ở phía mình thành công |
| Main Flow: | 1 - Người dùng vào hộp thoại gửi tin nhắn  3 – Người dùng nhấn chọn biểu tượng “Call” ở phía góc phải  4 – Hệ thống kiểm tra và hiển thị màn hình cuộc gọi (E1)  5 – Hệ thống thông báo “cuộc gọi thành công” |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1: E1.1.Nếu người nghe đang nghe cuộc gọi khác   * Hiển thị thông báo “Người dùng bận”   E1.2.Nếu người nghe ấn tắt cuộc gọi   * Hiển thị thông báo “Người dùng hiện không thể nghe cuộc gọi này.” |

**22. Gọi Video**

Bảng 2.22 Đặc tả Usecase gọi điện thoại Video

|  |  |
| --- | --- |
| ID and Name: | HQ22 – Gọi điện thoại video |
| Primary actor: | Người dùng |
| Description: | Người dùng muốn gọi Video cho người khác |
| Trigger: | Người dùng muốn tương tác lẫn nhau bằng giọng nói và hình ảnh. |
| Pre-condition: | - Người dùng đăng nhập bằng tài khoản hệ thống. |
| Post-condition: | - Người dùng gọi video cho người khác ở phía mình thành công |
| Main Flow: | 1 - Người dùng vào hộp thoại gửi tin nhắn  3 – Người dùng nhấn chọn biểu tượng “Call Video” ở phía góc phải  4 – Hệ thống kiểm tra và hiển thị màn hình cuộc gọi (E1)  5 – Hệ thống thông báo “cuộc gọi Video thành công” và hiển thị camera |
| Alternate Flow: |  |
| Exception Flow: | E1: E1.1.Nếu người nghe đang nghe cuộc gọi khác   * Hiển thị thông báo “Người dùng bận”   E1.2.Nếu người nghe ấn tắt cuộc gọi  Hiển thị thông báo “Người dùng hiện không thể nghe cuộc gọi này.” |

# **Hình ảnh chi tiết trang giao diện ứng dụng**

**1. Trang chủ trước lúc đăng nhập**

**A screen shot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.3 Giao diện trang chủ trước lúc đăng nhập

**2. Trang đăng ký**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.4 Giao diện đăng ký

**3. Trang đăng nhập**

**A screenshot of a login screen

Description automatically generated**

Hình 3.5 Giao diện đăng nhập

**4. Trang chủ sau khi đăng nhập**

**A screenshot of a cell phone

Description automatically generated**

Hình 3. 6 Giao diện trang chủ sau khi đăng nhập

**5. Trang thông tin người dung**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.7 Giao diện trang thông tin người dùng

**6. Trang thay đổi mật khẩu**

**A screenshot of a black screen

Description automatically generated**

Hình 3.8 Giao diện thay đổi mật khẩu

**7. Danh sách các người dùng like bài viết**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.9 Danh sách người dùng like bài viết

**8. Danh sách người dùng chia sẻ bài viết**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.10 Danh sách người dùng chia sẻ bài viết

**9. Trang hiển thị bình luận bài viết**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.11 Hiển thị bình luận bài viết

**10. Trang hiển thị danh sách người dùng đã nhắn tin**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.12 Hiển thị danh sách người dùng đã nhắn tin

**11. Giao diện nhắn tin người dùng**

A screenshot of a phone

Description automatically generated

Hình 3.13 Hiển thị giao diện nhắn tin người dung

**12. Giao diện gọi điện thoại**

**A screen shot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.14 Giao diện gọi điện thoại

**13. Giao diện gọi video người dung**

**A black rectangular frame with a white screen

Description automatically generated**

Hình 3.15Giao diện gọi video người dùng

**14. Danh sách người dùng đã theo dõi hoặc được theo dõi**

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

Hình 3.16 Hiển thi giao diên danh sách người dùng theo dõi hoặc được theo dõi